

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11, ngày 29/11/2005 ;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11, ngày 29/6/2006 ;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 21/12/2007 và Điều lệ bổ sung sửa đổi thông qua ngày 08/4/2011;
- Biên bản số 06/BB-ĐHĐCĐ-2013 họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, ngày 19/4/2013 của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1 – Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD, thực hiện đầu tư năm 2012

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2012 (điều chỉnh)		Thực hiện năm 2012		Tỷ lệ % TH/KH	
			S74	Tổ hợp S74	S74	Tổ hợp S74	S74	Tổ hợp S74
1	Tổng giá trị SXKD	10 ³ đ	330.087.548	330.087.548	378.297.285	378.297.285	114,6%	114,6%
2	Doanh thu	10 ³ đ	297.575.816	297.575.816	287.320.095	287.320.095	96,6%	96,6%
3	Tiền về tài khoản	10 ³ đ	311.057.360	311.057.360	311.057.360	311.057.360	100,0%	100,0%
4	Các khoản nộp NN	10 ³ đ	5.263.525	5.264.214	6.080.467	6.183.177	115,5%	117,5%
5	Khấu hao TSCĐ	10 ³ đ	23.429.504	23.496.540	16.900.699	17.101.805	72,1%	72,8%
6	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	17.798.399	17.798.399	19.637.450	19.637.450	110,3%	110,3%

-	Tỷ suất LNTT/DT	%	6,0%	6,0%	6,9%	6,9%	114,9%	114,9%
-	Tỷ suất LNTT/VĐL	%	29,7%	29,7%	32,7%	32,7%	110,3%	110,3%
7	Giá trị đầu tư	10 ³ đ	57.021.000	57.021.000	15.541.886	15.541.886	27,3%	27,3%
8	Thu nhập bình quân	10 ³ đ	6.238	6.282	7.288	7.907	116,8%	125,9%
9	Tỷ lệ cổ tức	%	15%	15%	8%	8%	53,3%	53,3%

Biểu quyết chấp thuận 4.190.900 cổ phần, đạt 99,88 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

2 – Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013: Bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Cty mẹ (S74)	Tổ hợp S74
1	Tổng giá trị SXKD	10 ³ đ	380.514.315	380.514.315
	Trong đó: - Xây lắp	10 ³ đ		
	- Ngoài XL	10 ³ đ	380.514.315	380.514.315
2	Doanh Thu	10 ³ đ	335.972.011	335.972.011
3	Tiền về tài khoản	10 ³ đ	373.264.904	373.264.904
4	Các khoản nộp NN	10 ³ đ	7.755.821	7.755.821
5	Khấu hao TSCĐ	10 ³ đ	21.919.683	21.919.683
6	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	19.794.674	19.794.674
7	Nguồn vốn chủ sở hữu	10 ³ đ	130.622.410	130.622.410
8	Vốn điều lệ	10 ³ đ	60.000.000	60.000.000
9	Thu nhập bình quân	10 ³ đ	6.896	6.896
10	Kế hoạch đầu tư	10 ³ đ	4.010.707	4.010.707
11	Tỷ lệ trả cổ tức	%	8 - 10	8 - 10

Đại hội đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư năm 2013.

Biểu quyết chấp thuận 4.190.900 cổ phần, đạt 99,88 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

3 – Định hướng phát triển giai đoạn 2013-2017

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	380.514	419.872	461.390	504.877	558.310
2	Doanh Thu	10 ⁶ đ	335.972	428.325	452.936	487.106	607.153
3	Các khoản nộp NN	10 ⁶ đ	7.755	8.115	10.122	12.144	12.885
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	19.794	21.416	25.364	27.277	32.786
5	Nguồn vốn CSH	10 ⁶ đ	130.622	148.596	170.071	212.964	262.173
6	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	60.000	60.000	90.000	90.000	120.000
7	Thu nhập bình quân	10 ⁶ đ	6.896	6.940	6.955	7.695	8.373
8	Kế hoạch đầu tư	10 ⁶ đ	4.010	100.975	99.470	56.334	40,2
9	Tỷ lệ trả cổ tức	%	8-10	8-10	8-10	8-10	8-10

Đại hội đã thông qua định hướng phát triển và các chỉ tiêu chính giai đoạn 2013-2017.

Biểu quyết chấp thuận 4.190.900 cổ phần, đạt 99,88 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

4 – Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012

Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012 do Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) thực hiện.

Biểu quyết chấp thuận 4.176.000 cổ phần, đạt 99,53% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

5 - Báo cáo kết quả hoạt động và thẩm định năm 2012 của Ban kiểm soát

Đại hội đã thông qua Báo cáo hoạt động và thẩm định năm 2012 của Ban kiểm soát.

Biểu quyết chấp thuận 4.177.300 cổ phần, đạt 99,55% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 2: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ trả cổ tức năm 2012

1 – Đại hội đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế năm nay tại ngày 31/12/12	19.637.450.322
a	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	19.637.450.322
-	Lợi nhuận chịu thuế suất phổ thông (25%)	329.212.423
-	Lợi nhuận chịu thuế suất ưu đãi (10%)	19.308.237.899
b	Lợi nhuận không chịu thuế TNDN	0
2	Bù lỗ năm trước	0
3	Lợi nhuận tính thuế TNDN (1a-2)	19.637.450.322
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:	1.092.969.047
a	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông (25%)	82.303.106
b	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất ưu đãi (10%*50%)	1.010.665.941
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN (1-4)	18.544.481.275
6	Lợi nhuận năm trước để lại	1.153.247.456
7	Bù đắp các khoản lỗ từ năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.	0
8	Lợi nhuận còn lại dự kiến phân phối như sau (8=5+6-7)	19.697.728.732
a	Trích quỹ dự phòng tài chính (8x15%)	2.954.659.310
b	Trích quỹ đầu tư phát triển (8x30%)	5.909.318.620
c	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	100.000.000
d	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ((8-8a-8b-8c)x5%))	536.687.540
e	Lợi nhuận chia cổ tức cho cổ đông (8%/VĐL)	4.800.000.000
f	Lợi nhuận để lại ():	5.397.063.262
9	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	8%

Biểu quyết chấp thuận 4.176.000 cổ phần, đạt 99,53% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

2 - Thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2012 là 8 % (tương đương 800đ/cp)

Biểu quyết chấp thuận 4.176.000 cổ phần, đạt 99,53% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 3: Thông qua mức thực hiện chi trả Thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2012

1 - Quyết toán mức trả thù lao năm 2012: Căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD năm 2012. Công ty thanh toán thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 7.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT : 5.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng ban kiểm soát : 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký Công ty : 3.000.000 đồng/tháng

Tổng số tiền thù lao Công ty phải chi trả cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty trong năm 2012 là: 492.000.000 đồng, trong đó:

+ Số tiền thù lao đã chi trả cho HĐQT, BKS và thư ký là: 246.000.000 đồng.

+ Số tiền thù lao còn phải trả cho HĐQT, BKS và thư ký là: 246.000.000 đồng.

2 – Thông qua phương án trả thù lao cho HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2013

2.1. Đối với mức Lợi nhuận trước thuế trên doanh thu từ 3% trở lên

TT	Chức danh	Thù lao không chuyên trách (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	7.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát	5.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Công ty	3.000.000

2.2. Đối với mức Lợi nhuận trước thuế từ 1% đến dưới 3% trên doanh thu

TT	Chức danh	Thù lao không chuyên trách (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	5.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát	3.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Công ty	2.500.000

2.3. Đối với mức Lợi nhuận trước thuế từ 0 đến dưới 1% trên doanh thu:

TT	Chức danh	Thù lao không chuyên trách (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	4.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát	2.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Công ty	1.500.000

Biểu quyết chấp thuận 4.181.300 cổ phần, đạt 99,65% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 4: Thông qua dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi

Biểu quyết chấp thuận 4.189.600 cổ phần, đạt 99,85% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 5: Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các nội dung sau:

- Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2013.
- Giải quyết các thủ tục liên quan đến tái cấu trúc theo định hướng của Tổng công ty Sông Đà và Công ty CP Sông Đà 7.
- Phê duyệt và giải quyết các thủ tục để triển khai đầu tư các dự án khai thác sản xuất vật liệu tại khu vực Hòa Bình, Hà Nội.
- Tìm kiếm nguồn vốn phục vụ thi công dự án thủy điện Sập Việt hoặc tìm đối tác chuyển nhượng lại dự án.
- Phê duyệt các dự án đầu tư bổ xung nâng cao năng lực xe máy, thiết bị thi công tại các công trình, các dự án.
- Phê duyệt Hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ nếu có phát sinh trong năm 2013.
- Xem xét tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư năm 2013 cho phù hợp với thực tế (nếu có sự thay đổi).
- Ký kết hợp đồng thuê Tổng giám đốc điều hành năm 2013;

Biểu quyết chấp thuận 4.190.900 cổ phần, đạt 99,88% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 6: Kết quả bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ II (2013-2017)

Danh sách thành viên HĐQT trúng cử:

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Hữu Doanh | Số phiếu biểu quyết 4.351.700 chiếm tỷ lệ 103,72% |
| 2. Ông Nguyễn Xuân Đức | Số phiếu biểu quyết 4.228.400 chiếm tỷ lệ 100,77% |
| 3. Ông Trịnh Quang Thạnh | Số phiếu biểu quyết 4.146.400 chiếm tỷ lệ 98,82% |
| 4. Ông Nguyễn Văn Cường | Số phiếu biểu quyết 4.143.800 chiếm tỷ lệ 98,76% |
| 5. Ông Nguyễn Anh Lam | Số phiếu biểu quyết 4.109.200 chiếm tỷ lệ 97,93% |

Danh sách thành viên BKS trúng cử:

- | | |
|-------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Tuấn Anh | Số phiếu biểu quyết 4.268.400 chiếm tỷ lệ 101,72% |
| 2. Ông Nguyễn Anh Tráng | Số phiếu biểu quyết 4.168.000 chiếm tỷ lệ 99,34% |
| 3. Ông Lê Văn Khánh | Số phiếu biểu quyết 4.151.300 chiếm tỷ lệ 98,94% |

Điều 7: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7.04 có trách nhiệm tiến hành các công việc được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền trong Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, doanh nghiệp và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Cty
- TV HĐQT;
- TV Ban Kiểm soát;
- Thành viên Ban Giám đốc;
- Các đơn vị trực thuộc Cty;
- Lưu VP HĐQT+TCHC/Cty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ ĐẠI HỘI



Nguyễn Hữu Doanh